

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2018/DS-ST
Ngày: 06- 4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng thuê
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong các ngày 05, 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 288/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp “Hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Như P** (có mặt).

Địa chỉ: 132/12/19 H, phường T, quận N, thành phố C.

2. *Bị đơn:* Bà **Lý Ngọc Mỹ T** (vắng mặt).

Địa chỉ: 70/75/7 C, phường C, quận N, thành phố C.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Kim T** (vắng mặt).

Địa chỉ: 70/71 C, phường C, quận N, thành phố C.

Bà **Nguyễn Thị T** (vắng mặt).

Địa chỉ: 70/75 C, phường C, quận N, thành phố C.

Bà **Đỗ Thị Ngọc T** (vắng mặt).

Địa chỉ: 70/75/7 C, phường C, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07- 07 - 2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Thị Như P Trình bày:

Ngày 22-6-2012 bà Lý Ngọc Mỹ T có bán 01 chiếc xe mô tô biển số 65X4-7015, nhãn hiệu Airblade cho nguyên đơn với giá 15.000.000đồng, sau đó bà T mua lại chiếc xe mô tô biển số 65X4-7015. Đến ngày 29 tháng 10 năm 2012 bà T bán lại chiếc xe mô tô biển số 65X4-7015 cho nguyên đơn và xin thuê lại làm phương tiện làm ăn. Hai bên có làm hợp đồng thuê xe, tiền thuê mỗi tháng 1.500.000đồng, có gửi lại giấy chứng minh nhân dân bản chính của bà Nguyễn Kim T (mẹ của T đứng ra bảo lãnh) để làm tin. Trong thời gian thuê, bà T đóng được 01 tháng và nợ lại đến ngày 29-10-2014 là 23 tháng tiền thuê xe với số tiền 34.500.000đồng.

Ngày 22-11-2012 nguyên đơn có cho bị đơn bà Đỗ Thị Ngọc T thuê xe mô tô biển số 65X4-1277, nhãn hiệu Elizabeth, tiền thuê xe mỗi tháng 3.000.000đồng. Bà T có gửi lại giấy chứng minh nhân dân bản chính để làm tin, bà T đứng ra bảo lãnh cho bà T. Từ lúc thuê xe đến nay, bà T đóng được 01 tháng và nợ lại 20 tháng tiền thuê xe với số tiền 60.000.000đồng.

Bà T, bà T đã đem 02 chiếc xe thuê của nguyên đơn đi cầm nên nguyên đơn có yêu cầu bà T, bà T chuộc xe để trả lại cho nguyên đơn thì có bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị T đứng ra bảo lãnh cho bà T, bà T và hứa trả tiền thuê xe và chuộc xe về trả cho nguyên đơn. Xe mô tô biển số 65X4-7015 bị mất, bà T bồi thường số tiền 18.000.000đồng. Còn xe mô tô biển số 65X4-1277 bà T thuê lúc trả lại cho nguyên đơn thì xe bị hư hỏng rất nhiều, bà T kêu nguyên đơn đem đi sửa và sẽ trả lại tiền sửa xe. Đến ngày 25-10-2014 bà T trả 18.000.000đồng tiền xe mô tô biển số 65X4-7015 bị mất và 1.000.000đồng tiền sửa xe mô tô biển số 65X4-1277 cho nguyên đơn.

Do bà T, bà T thiếu tiền thuê xe mà không trả nên nguyên đơn khởi kiện buộc bà T trả số tiền 34.500.000đồng, bà T trả số tiền 60.000.000đồng.

Theo bản tự khai ngày 11-11-2016 bị đơn bà Lý Ngọc Mỹ T trình bày:

Vào ngày 29-10-2012 bị đơn có đến nhà bà Phạm Thị Như P cầm giấy tờ xe biển số xe mô tô biển số 65X4-7015, nhãn hiệu Airblade với số tiền 15.000.000đồng. Sau khi ra công chứng ký xong thì bị đơn chỉ nhận được số tiền 13.500.000đồng, bà P nói tiền hoa hồng 10%. Tiền lãi suất cầm xe 10%/tháng, đến tháng mới đóng, bà có đóng tiền lãi cho bà P mấy tháng đầu, do bà không có tiền và thiếu nợ nên đã bỏ đi một thời gian. Còn chiếc xe mô tô biển số 65X4-1277, nhãn hiệu Elizabeth, bà có thuê của bà P mỗi ngày 100.000đồng, bà P yêu cầu Đỗ Thị Ngọc T đứng ra thế giấy tờ thì bà P mới cho thuê. Bà thuê xe chạy được vài tháng thì chủ nợ lấy xe, bà có báo bà P lấy xe lại dùm nhưng bà P không đồng ý. Đến khi bà P lại nhà bà thì gia đình và chồng của bà có đứng ra hẹn trả xe lại cho bà P, khi trả xe hẹn ở Công an phường Cái Khế thì bà P sẽ trả lại giấy tờ mà bà đã thế chấp cho bà P. Bà đã trả cho bà P số tiền 18.000.000đồng nhưng bà P không trả lại giấy tờ xe cho bà mà bà P chỉ trả giấy tờ bà đã ra công chứng. Còn chiếc xe mô tô biển số 65X4-1277, nhãn hiệu Elizabeth bà trả cho bà P. Bà P yêu cầu bà trả thêm tiền lãi suất của xe là 94.500.000đồng và yêu cầu bà làm một tờ giấy nợ tại Công an phường Cái Khế, sau đó bà có đóng tiền cho bà P 1.000.000đồng nhưng bà P không giảm tiền. Do bà đang điều trị bệnh ung thư nên bà không có khả năng chi trả số tiền theo yêu cầu của bà P, bà yêu cầu giảm lại số tiền bà P yêu cầu, bà xin trả số tiền thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị T và bà Đỗ Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến tòa nên không thể ghi nhận ý kiến được.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Lý Ngọc Mỹ T phải trả tiền thuê 02 xe còn nợ lại theo giấy trả xe ngày 26-8-2014 là 94.500.000đồng. Nguyên đơn không yêu cầu người bảo lãnh là bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị T trả tiền thay bà T, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục*: Bị đơn bà Lý Ngọc Mỹ T đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ 2 nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị T, bà Đỗ Thị Ngọc T đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ 2 nhưng bà T, bà T, bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 07-07-2016, thể hiện nguyên đơn bà Phạm Thị Như P là người cho bà T, bà T thuê xe mô tô nhưng do bà T, bà T không trả tiền thuê xe ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P nên bà P có đơn khởi kiện yêu cầu bà T, bà T trả tiền thuê xe, do đó xác định đây là loại kiện tranh chấp hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn bà T có địa chỉ tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

[3] *Xét thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ vào hợp đồng thuê xe ngày 29-10-2012 giữa nguyên đơn và bị đơn bà T; hợp đồng thuê xe ngày 22-11-2012 giữa nguyên đơn và bà T, do bà T, bà T chỉ trả tiền thuê được 01 tháng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê xe, đến ngày 26-8-2014 bị đơn bà T đã trả lại 01 xe thuê cho nguyên đơn và ghi nợ lại tiền thuê xe của 02 xe với tổng số tiền là 94.500.000đồng và cam kết mỗi tháng trả 2.000.000 đồng nhưng từ ngày ký cam kết đến ngày nguyên đơn đi khởi kiện phía bị đơn không trả được khoản nào. Tại bản tự khai ngày 11-11-2016 bị đơn bà T đã thừa nhận còn nợ tiền thuê xe của nguyên đơn nhưng xin giảm tiền vì không có khả năng trả nợ, do bị đơn bà T đã thừa nhận nợ nên thời hiệu khởi kiện đã được xác lập lại nên vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 07-07-2016 và các Bản hợp đồng cho thuê xe, biên nhận, tờ cam kết cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn bà T, bà T có giao dịch thuê tài sản, cụ thể là xe mô tô. Nguyên đơn cho rằng bị đơn bà T thuê xe mô tô biển số 65X4-7015 nhãn

hiệu Airblade nhưng làm mất xe không thu hồi được, bà T đã thỏa thuận bồi thường số tiền 18.000.000đồng vào ngày 25-10-2014, bà T chỉ đóng được 01 tháng tiền thuê, còn nợ đến ngày 29-10-2014 là 23 tháng với số tiền 34.500.000đồng; bà T thuê xe mô tô biển số 65X4-1277, nhãn hiệu Alizabeth nhưng chỉ trả được tiền thuê xe 01 tháng, còn nợ đến ngày 26-8-2014 là 20 tháng với số tiền 60.000.000đồng. Đối với trình bày của bị đơn bà T cho rằng chiếc xe 65X4-7015 là bà T cầm cố cho nguyên đơn, có thực hiện trả lãi được mấy tháng đầu nhưng sau đó bà không có khả năng trả lãi nên đã bỏ đi, ngoài ra chiếc xe 65X4-7015 đã bị mất nên bà đã bồi thường cho nguyên đơn số tiền 18.000.000 đồng. Bị đơn bà T thừa nhận còn nợ tiền thuê 02 xe với số tiền 94.500.000 đồng nhưng xin giảm bớt. Do lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh có việc cầm cố chiếc xe 65X4-7015 nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Qua tự khai ngày 11-11-2016 của bà T cho thấy, đối với chiếc xe mô tô biển số 65X4-1277, nhãn hiệu Alizabeth hợp đồng thuê là do bà T ký nhưng thực tế bà T mới là người sử dụng xe thuê, bà T cũng đã cam kết sẽ trả tiền thuê xe 65X4-1277 nên xác định trách nhiệm trả tiền thuê 02 xe là của bà T. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn bà T phải T toán cho nguyên đơn tiền thuê 02 xe mô tô còn thiếu là 94.500.000 đồng.

Đối với 02 chứng minh nhân dân (bản chính) mang tên Nguyễn Kim T và Đỗ Thị Ngọc T, do nguyên đơn đã tự nguyện giao trả cho bà T, bà T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà T phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 472, Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Như P đối với bị đơn bà Lý Ngọc Mỹ T.

Buộc bị đơn bà Lý Ngọc Mỹ T phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Như P số tiền thuê 02 xe là 94.500.000 đồng (Chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lý Ngọc Mỹ T phải chịu án phí là 4.725.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại 2.362.500 (Hai triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002563 ngày 07-7-2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTPCT;
- VKSNDQNK;
- THADSQNK;
- Các đs;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Tuyết Phương